

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NHAT CONSTRUCTION AND INDUSTRIAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NHAT CIE., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107708500

3. Ngày thành lập: 17/01/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, ngõ 86 phố Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934625569

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
4.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
5.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
8.	Bán buôn tổng hợp	4690
9.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
10.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
11.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
12.	Xây dựng công trình công ích	4220
13.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công trình xây dựng; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Dịch vụ tư vấn đấu thầu	7110

14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...(- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa (trừ loại Nhà nước cấm) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại (trừ loại Nhà nước cấm)	4669
15.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
16.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
17.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
19.	Bán buôn gạo	4631
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Phá dỡ	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Bán buôn thực phẩm	4632
25.	Bán buôn đồ uống	4633
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư	6619
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
31.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
37.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
38.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

39.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
43.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
45.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
46.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
50.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HƯƠNG SEN	Tổ 2 Ninh Hương, Phường Lương Sơn, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45,000	090780602	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45,000		
2	NGUYỄN ĐÌNH THẾ ANH	Số 37, ngõ 47, đường Láng, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	50,000	0010810014 94	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	50,000		

3	NGUYỄN VŨ DUY THÀNH	Số nhà 126, tổ 15, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	040417087	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG SEN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 090780602

Ngày cấp: 27/06/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 2 Ninh Hương, Phường Lương Sơn, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 2 Ninh Hương, Phường Lương Sơn, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội